| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN L**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2020
V/v ly hôn giữa chị L và anh B

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Tạ Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Yến;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà:*** Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 579/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 "có mặt"

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1984 "vắng mặt"

Nơi ĐKHKTT : Thôn A, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang cải tại Trại giam Ngọc Lý thuộc tổng cục VIII- Bộ Công an.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2019, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:* Chị và anh Đỗ Văn B đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới chị về chung sống cùng anh B ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh

B không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời và nghiện Ma túy. Hiện nay anh B đang cải tạo tại Trại giam Ngọc Lý thuộc tổng cục VIII – Bộ Công an về tội Trộm cắp tài sản nên vợ chồng chị chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay giữa chị và anh B không còn tình cảm, đề nghị giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh B có 02 con chung là Đỗ Tiến Tài, sinh năm 2009 và Đỗ Ngọc Hân, sinh năm 2016. Do không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai, bị đơn anh Đỗ Văn B trình bày*: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị L trình bày là đúng. Nay chị L xin ly hôn anh không muốn ly hôn, nhưng chị L nhất quyết xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Các cháu hiện vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường, anh không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Về phía các đương sự, chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh B xin xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử cho chị L được ly hôn anh B.

Về con chung, tài sản, công nợ các được sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất giải quyết về án phí và quyền kháng cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn B đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa chị L và anh B là

hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh B chơi bời, không tu chí làm ăn và không quan tâm chăm sóc gia đình nên chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được và tha thiết xin ly hôn. Anh B cũng xác nhận anh có chơi bời và đang cải tạo tại Trại giam Ngọc Lý thuộc Tổng Cục VIII – Bộ Công an, anh không muốn ly hôn nhưng chị L nhất quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh B đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn anh B.

[3] Về con chung, tài sản và công nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 272 và Điều 273 BLTTDS; Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn B.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp đủ tại B lai thu số AA/2017/0004389 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Báo cho đương sự có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã C, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Thủy**